

Bản án số: 158/2023/DS-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;
2. Bà Võ Thị Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 386/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông LVL, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 26 ấp 1, xã LT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông DDHT, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: 26 ấp 1, xã LT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là đại diện theo ủy quyền.

(Văn bản ủy quyền số công chứng 004677, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2022 tại Văn phòng Công chứng C.)

Bị đơn: Ông MTH, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 160/91/48/10E đường C, tổ 6, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa nguyên đơn ông LVL và bị đơn ông MTH có ký kết hợp đồng thi công xây dựng căn nhà tại địa chỉ 26 ấp 1, xã LT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên trong quá trình xây nhà ông LVL có cho ông MTH vay tổng số tiền 815.400.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Theo Giấy biên nhận về việc Hợp đồng cá nhân cho vay tiền mặt lập vào ngày 25/01/2021 với số tiền vay là 429.400.000 đồng; lãi suất vay: 0%; kỳ hạn vay: 02 tháng; thời hạn thanh toán là vào tháng 04/2021; thời hạn trả lãi suất: kể từ ngày 01/5/2021. Tuy nhiên, đã hết thời hạn thanh toán khoản vay là vào tháng 04/2021 nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Lần 2: Vào ngày 19/01/2022 với số tiền là 386.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là để ông H thanh toán tiền vật tư xây dựng. Ông H có hứa với ông L sẽ trả lại ngay nhưng ông H không trả. Sau đó ông H có điện thoại lại và đề nghị với ông L sẽ đến nhà ông L để ký giấy mượn tiền và cam kết sẽ trả tiền cho ông L sau một tháng tuy nhiên ông H cũng không thực hiện.

Ông L đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H không trả mà còn có những lời lẽ thách thức ông L. Ông L cũng đã tìm đến nhà để yêu cầu ông H trả nợ nhưng không tìm được ông H.

Nhận thấy quyền lợi và nghĩa vụ của mình bị xâm phạm, ông L đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông H thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đối với ông L với tổng số tiền là 815.400.000 (tám trăm mười lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2022, ông LVL yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông MTH phải trả cho ông số tiền 815.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông DPHT xác định lời trình bày của bị đơn có một phần đúng là ông MTH là người ký hợp đồng thi công căn nhà 26 ấp 1, xã LT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông LVL. Số tiền 429.400.000 đồng là tiền ông MTH vay của ông LVL, còn số tiền 386.000.000 đồng là tiền ông MTH mua vật tư để xây dựng căn nhà số 26 nhưng không trả tiền cho các cửa hàng vật tư nên ông MTH có nhờ ông LVL trả thay rồi sẽ viết thành giấy vay tiền nhưng sau đó ông MTH không chịu ký giấy vay. Do vậy, ông DPHT rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông chỉ còn yêu cầu bị đơn phải trả cho ông LVL số tiền 429.400.000 đồng, rút yêu cầu bị đơn ông MTH phải trả đối với số tiền 386.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2023 và Đơn tường trình sự việc, bị đơn ông MTH trình bày:

Ông MTH và ông LVL có ký kết một hợp đồng thi công xây dựng căn nhà số 26 NVT, xã LT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2019. Căn nhà có tổng diện tích sàn xây dựng dự tính là 442m² với đơn giá 6.000.000 đồng/m² khoảng 2.478.600.000 đồng và phần nhà cấp 4 phía trước là 180.000.000 đồng.

Trong quá trình thi công đã xảy ra những sự việc như điều chỉnh giấy phép ngưng thi công công trình 03 tháng theo yêu cầu của Thanh tra xây dựng; thay đổi phương án thi công theo yêu cầu của Thanh tra; giá vật tư trong thời gian kéo dài tăng hơn 20% ban đầu; phát sinh các hạng mục khiến chi phí tăng cao khiến cho công trình đình trệ không thể tiếp tục làm, cho nên ông LVL đề xuất bỏ thêm tiền ra làm rồi sau này ông MTH sẽ hoàn lại. Ông MTH đã đồng ý và sau đó ông LVL đã đưa cho ông MTH bản chi phí bắt ông MTH ký vào giấy nhận nợ với số tiền gần 500.000.000 đồng. Ông MTH có ký vào và hứa sẽ thanh toán từ từ. Ông MTH đã có đóng tiền lãi số tiền này mỗi tháng 5.000.000 đồng theo biên nhận chuyển tiền của Ngân hàng được khoảng 5 tháng. Sau đó, ông LVL tiếp tục làm thêm phần sân thượng và mái bê tông nền nhà cấp rồi tự bỏ tiền ra làm sau đó cộng chi phí lại yêu cầu tôi phải nhận là tổng số tiền nợ như đơn gửi Tòa là 815.000.000 đồng.

Ông MTH có ý kiến như sau:

- Số tiền trên ông MTH không nhận tiền mặt mà hoàn toàn do ông LVL bỏ chi phí ra rồi quy ra số tiền 815.000.000 đồng.

- Ông MTH muốn thương lượng với thiện chí thanh toán với thỏa thuận giảm trừ những phát sinh và thiệt hại trong thời gian ngưng thi công do Thanh tra yêu cầu và diện tích tính tiền phải theo diện tích thực tế xây dựng với đơn giá 6.000.000 đồng.

- Ông MTH đang bị phá sản và rất khó khăn nên cho ông lộ trình và thời gian cũng như phương án trả nợ.

Ông MTH đề nghị Tòa án cho ông thời hạn 20 ngày kể từ ngày tường trình sự việc sẽ cung cấp bằng chứng, hợp đồng thi công, bản vẽ, nhân chứng, giấy tờ thanh toán.

Bị đơn là ông MTH đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐST-DS ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông MTH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 815.400.000 đồng, bao gồm 02 lần vay (Lần 1: 429.400.000 đồng; Lần 2: 386.000.000 đồng).

Nhận thấy, ngày 25/01/2021, ông LVL và ông MTH lập Giấy biên nhận về việc Hợp đồng cá nhân cho vay tiền mặt. Theo đó, ông H cho ông L vay số tiền là 429.400.000 đồng, với lãi suất vay: 0%; kỳ hạn vay: 12 tháng; thời hạn hành toán là vào tháng 04/2021; thời hạn trả lãi suất: kể từ ngày 01/5/2021. Giấy Biên nhận trên được ông LVL ký tên và điểm chỉ tay.

Xét thấy, tại Giấy biên nhận vay tiền có quy định về thời hạn vay nợ là 12 tháng, nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả tiền cho ông L là vi phạm cam kết trả nợ. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 429.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu trả buộc ông H trả tiền vay lần hai số tiền 386.000.000 đồng. Đây là tiền ông L thanh toán tiền vật tư xây dựng thay cho ông H, hai bên không làm giấy xác nhận nợ nên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông L rút yêu cầu đối với số tiền này. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về số tiền 386.000.000 đồng. Nguyên đơn ông LVL được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 386.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 429.400.000 đồng.

Về án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông LVL về việc buộc bị đơn là ông MTH có địa chỉ tại 160/91/48/10E đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả số tiền còn nợ lại theo “Giấy Biên nhận v/v: Hợp

đồng cá nhân cho vay tiền mặt” thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về hình thức:

Bị đơn là ông MTH mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào “Giấy Biên nhận v/v: Hợp đồng cá nhân cho vay tiền mặt” và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyên đơn ông LVL có cho ông MTH vay tiền 429.400.000 đồng, lãi suất 0%/tháng, thời hạn hanh toán là vào tháng 04/2021; thời hạn trả lãi suất: kể từ ngày 01/5/2021.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông MTH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn ông LVL được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn ông MTH đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông LVL về việc buộc bị đơn ông MTH có trách nhiệm trả cho ông LVL tổng số tiền 429.400.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông DDHT rút bớt một phần yêu cầu đối với bị đơn ông MTH về số tiền 386.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 386.000.000 đồng. Nguyên đơn ông LVL được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 386.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn ông MTH.

2. Về nội dung:

2.1 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LVL đối với bị đơn ông MTH đối với số tiền 386.000.000 đồng. Nguyên đơn ông LVL được quyền khởi kiện lại đối với số tiền 386.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LVL:

- Buộc bị đơn ông MTH phải trả cho nguyên đơn ông LVL số tiền 429.400.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông LVL (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông MTH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông MTH phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.176.000 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Ông DDHT có mặt tại phiên tòa hoặc ông LVL được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông MTH vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (*TK Sang*).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương